TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Đặng Thị Liễu.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh, Thư ký Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2019/TLST-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh số 1

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Tuấn A- Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 70C, phố A, phường Y, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hải N, sinh năm 1973- Giám đốc chi nhánh số 1.

Địa chỉ: Ngõ 49, đường H, phường H, thành phố V, tỉnh V.

- Đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Ngọc Tuấn, sinh năm 1982- Phó giám đốc chi nhánh (theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019), có mặt.

*Bị đơn:*Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ- Giám đốc, vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Ngọc Tuấn trình bày:

Ngày 02/10/2016, Công ty cổ phần S số 6 – Chi nhánh số 1có ký hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT-CN với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ để cung cấp bê tông thương phẩm cho Đ thi công các công trình gồm: Văn phòng Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ ở tổ dân phố V, thị trấn L, huyện L sân vận động xã Ph, huyện S; Trường tiểu học thị trấn T, huyện S với các loại bê tông: bê tông thương phẩm mác 250 giá 860.000đ/m^3 và bê tông thương phẩm mác 300 giá 900.000đ/m^3, đơn giá bơm bê tông: Bơm cần 37m, 60.000đ/m^3, theo ca là 3.000.000đ/ca. Sau khi ký kết hợp đồng, trong các ngày 04/10/2016 Chi nhánh số 1 đã cung cấp 34m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm, ngày 14/11/2016 cung cấp 59m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm, ngày 07/12/2016 cung cấp 35m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm. Đến ngày 04/4/2017, Công ty S số 6- chi nhánh số 1 tiếp tục ký kết hợp đồng số 46 cung cấp bê tông thương phẩm mác 150 giá 800.000đ/m^3 và mác 250 giá 860.000đ/m^3, đơn giá bơm bê tông: Bơm cần 37m, 60.000đ/m^3, theo ca là 3.000.000đ/ca. Cùng ngày Chi nhánh số 1 đã cung cấp 21m^3 bê tông thương phẩm mác 150, 01 ca bơm cho Công ty Đ để thi công công trình sân vận động xã Ph. Tuy nhiên, do sai sót trong đánh máy nên Hợp đồng kinh tế số 46 ghi nhầm ngày là ngày 24/4/2017, nhưng thực tế ký là ngày 04/4/2017. Tổng số bê tông Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh số 1 đã cung cấp cho Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ là 149m^3 và giá trị ca bơm bê tông, tổng giá trị là 139.420.000đ. Những lần cung cấp bê tông thương phẩm đều có người của Chi nhánh số 1 và Công ty TNHH MTV xây dựng và thưng mại Đ xác nhận khối lượng công việc hoàn thành.

Trong quá trình cung cấp bê tông thương phẩm, Công ty Đ đã thanh toán một phần cho Công ty cổ phần S số 6 làm 06 lần với số tiền: 59.000.000đ, cụ thể: ngày 05/12/2016 là 40.000.000đ; ngày 06/12/2016 là 19.000.000đ, tổng số tiền còn nợ lại là 80.420.000đ. Từ đó đến nay Công ty Đ không thanh toán số tiền còn nợ lại cho Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh số 1, Công ty đã nhiều lần đôn đốc Công ty Đ nhưng vẫn không trả. Nay Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ số tiền còn nợ chưa thanh toán là: 80.420.000đ và lãi suất chậm trả 1% kể từ ngày chưa thanh toán đến nay là 19.300.800đ, Tổng số tiền Công ty Đ phải thanh toán là: 99.720.800đ.

Bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ do ông Nguyễn Thành Đ là đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2019 ông Đ trình bày:

Khoảng năm 2016, Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ có lây bê tông của Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 để làm một số công trình 9(cụ thể bao nhiêu công trình ở đâu thì ông không nhớ rõ). Khi lấy bê tông của Chi

nhánh số 1 có ký hợp đồng hay không thì ông không nhớ rõ. Tuy nhiên, phía Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 chưa xuất hóa đơn cho Công ty ông. Việc Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 cung cấp bê tông cho công ty ông lúc ông có mặt, lúc không nên ông không rõ có phiếu nghiệm thu, biên bản xác nhận khối lượng không. Quá trình làm việc Công ty ông có thanh toán bằng tiền mặt cho Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6, cụ thể đã trả bao nhiêu tiền thì ông phải kiểm tra lại và sẽ cung cấp cho Tòa án, nếu không cung cấp được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nay Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ trả số tiền nợ gốc khoảng 80.000.000đ và yêu cầu tính lãi. Nếu Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 cung cấp được đầy đủ phiếu nghiệm thu, biên bản xác nhận khối lượng công việc (có xác nhận của công ty ông) thì ông đồng ý thanh toán (phải trừ đi số tiền mặt công ty ông đã thanh toán).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định về thụ lý vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:Căn cứ hợp đồng hai bên ký kết, các phiếu xuất hàng, chuyển tiền thanh toán, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần S số 6.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1].Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2019 của Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh số 1 yêu cầu Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ thanh toán số tiền còn nợ lại. Tòa án nhân dân huyện L đã thụ lý xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng dịch vụ" và giải quyết theo khoản 3 Điều 26 và Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị đơn Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ do ông Nguyễn Thành Đ là đại diện theo pháp luật vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào các Điều 199, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt ông Đ.

Xét về chủ thể tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đều đúng quy định của pháp luật và đủ năng lực hành vi dân sự. Việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng pháp luật về hình thức và nội dung.

[2]. Về nội dung:

Theo nội dung hợp đồng hợp đồng kinh tế số 49/HĐKT-CN ngày 02/10/2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm được ký kết giữa bên bán là Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 và bên mua là Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ. Theo đó, Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty Đ những loại bê tông sau: Bê tông thương phẩm mác 250 giá 860.000đ/m^3 và bê tông thương phẩm mác 300 giá 900.000đ/m^3, đơn giá bơm bê tông: Bơm cần 37m, 60.000đ/m^3, theo ca là 3.000.000đ/ca. Sau khi ký kết hợp đồng, trong các ngày 04/10/2016 Chi nhánh số 1 đã cung cấp 34m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm, ngày 14/11/2016 cung cấp 59m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm, ngày 07/12/2016 cung cấp 35m^3 bê tông thương phẩm mác 250, 01 ca bơm.

Ngày 04/4/2017, Công ty S số 6- Chi nhánh 1 tiếp tục cung cấp 21m^3 bê tông thương phẩm mác 150 đơn giá 800.000đ cho Công ty Đ, nhưng trong hợp đồng kinh tế số 46 không có loại bê tông mác 150 mà giữa hai cong ty lại ký tiếp hợp đồng kinh tế số 46 ngày 24/4/2017 có quy định loại bê tông mác 150.

Qua xem xét Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc ký kết hợp đồng kinh tế số 49 và 46 giữa Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 và Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ là có thật. Sau khi các bên ký kết hợp đồng số 49, Chi nhánh số 1- Công ty cổ phần S số 6 đã cung cấp bê tông thương phẩm cho Công ty D đúng với quy định trong hợp đồng. Những lần Chi nhánh số 1 cung cấp bê tông cho Công ty Đ đều có phiếu xuất hàng và biên bản xác nhận khối lượng công việc hoàn thành giữa hai bên và có ký nhận của hai bên công ty. Công ty Đ cũng xác nhận có mua bê tông thương phẩm của Chi nhánh số 1, nhưng không nhớ khối lượng cụ thể là bao nhiêu, có thanh toán tiền mặt trả cho Chi nhánh số 1 nhưng không nhớ trả bao nhiêu tiền và không cung cấp được những chứng từ liên quan đến việc thanh toán tiền, chỉ có Chi nhánh 1 xác nhận Công ty Đ đã thanh toán được số tiền 59.000.000đ. Như vậy, Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 khởi kiện yêu cầu Công ty Đ thanh toán số tiền còn nợ lại là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với khối lượng bê tông 21m^3 mác 150 giao dịch ngày 04/4/2017 Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng kinh tế số 49 ngày 02/10/2016 không quy định mác bê tông 150, nhưng trong hợp đồng kinh tế số 46 ngày 24/4/2016 có mác bê tông 150. Tuy nhiên, Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 thừa nhận có việc nhầm lẫn trong việc đánh máy ngày tháng, thực tế ký kết 04/4/2017. Mặt khác

trong biên bản xác nhận khối lượng có xác nhận của Công ty Đ là ông Đỗ Tuấn N. Nên ần xác nhận giao dịch ngày 04/4/2017, Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 có cung cấp cho Công ty Đ 21m^3 bê tông mác 150 để thi công công trình sân vận động xã Ph là đúng và cần được chấp nhận.

Như vậy, cần xác nhận Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ phải thanh toán tổng số là 139.420.000đ trừ đi số tiền đã trả là 59.000.000đ, còn lại là: 80.420.000đ. Tuy nhiên, số tiền Công ty cổ phần S- Chi nhánh số 1 yêu cầu do cộng trừ nhầm lẫn, tổng số tiền 04 lần cung bê tông thương phẩm cho công ty Đ với giá như trong hợp đồng Hội đồng xét xử tính lại là: 138.880.000đ trừ đi 59.000.000đ đã thanh toán còn lại là: 79.880.000đ (Bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Đối với yêu cầu lãi xuất chậm trả của số tiền 79.880.000đ với mức lãi suất 1% kể từ tháng 6/2017 đến hết tháng 5/2019 Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong hợp đồng kinh tế số 49 và hợp đồng kinh tế số 46 đều quy định: "*Nếu bên A không thanh toán đúng nội dung hợp đồng thì bên A phải trả lãi chậm trả theo số tiền nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*". Như vậy, các bên đã thỏa thuận về lãi suất chậm trả, nên việc Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán lãi suất với mức lãi suất 1% trên tổng số tiền còn nợ lại tính từ tháng 6/2017 đến tháng 5/2019 với tổng số tiền lãi Hội đồng xét xử tính là: 19.171.200đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tổng số tiền Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 là: 99.051.200đ, trong đó tiền còn nợ lại là: 79.880.000đ, tiền lãi là: 19.171.200đ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí, Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 513; 514; 515; 516; 517; 518; 519; Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ.

Buộc Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ phải thanh toán cho Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1tổng số tiền 99.051.200đ (Chín mươi chín triệu không trăm năm mươi mốt nghìn hai trăm đồng), trong đó tiền còn nợ lại là: 79.880.000đ, tiền lãi là: 19.171.200đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, người phải thi hành án không trả được, hoặc trả không đầy đủ thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Đ phải chịu 4.952.560đ (Bốn triệu chín trăm năm hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng) án phí kinhdoanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty cổ phần S số 6- Chi nhánh 1 số tiền tạm ứng án phí 2.500.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000242 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Trung Thành **Đặng Thị Liễu** **Ngô Thị Minh Hiệp**